

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÙ ĐĂNG  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2022/HNGĐ – ST**

Ngày: 25-01-2022

V/v "Ly hôn".

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thu Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Thành Đô

Ông Trần Đức Hòa

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 433/2021/TLST- HNGĐ, ngày 02 tháng 12 năm 2021 về việc “ Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2022/QĐXX - ST ngày 10 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* anh Linh Văn L; sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn 9, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước.

*- Bị đơn:* chị Lộc Thị X; sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn X, xã V, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh

( Đương sự vắng mặt và có văn bản xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 30/11/2021 và trong quá trình thụ lý vụ án, nguyên đơn anh Linh Văn L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị X tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước vào ngày 06/01/2009 theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 02. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2019 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, anh và chị X đã sống ly thân liên tục từ năm 2009 đến nay, trong thời gian sống ly thân mạnh ai nấy sống, kinh tế

độc lập, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị X.

Về con chung: Anh và chị X có 02 người con chung, họ tên là Linh Thị Ngọc V, sinh ngày 03/4/2009 và Linh Thị Ngọc L1 sinh ngày 04/01/2014. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu V và L1.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án, nguyên đơn anh L cung cấp các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản chính đăng ký kết hôn; Bản sao: Căn cước công dân Linh Văn L, sổ hộ khẩu, 02 giấy khai sinh.

*Quá trình thụ lý vụ án, bị đơn chị Lộc Thị X trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước vào ngày 06/01/2009 theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 02. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2019 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, do mâu thuẫn trầm trọng nên chị và anh L đã sống ly thân liên tục từ năm 2009 đến nay, trong thời gian sống ly thân mạnh ai nấy sống, kinh tế độc lập, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay chị đồng ý ly hôn với anh L và đồng ý Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng giải quyết vụ án ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị và anh L có 02 người con chung, họ tên là Linh Thị Ngọc V, sinh ngày 03/4/2009 và Linh Thị Ngọc L1 sinh ngày 04/01/2014. Sau khi ly hôn đồng ý giao hai cháu V và L1 cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị X không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì; không có yêu cầu phản tố.

Nguyên đơn anh L và bị đơn chị X vắng mặt và có văn bản xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

*Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo đơn khởi kiện của anh Linh Văn L yêu cầu được ly hôn với chị Lộc Thị X, chị X có

nơi cư trú tại Thôn X, xã V, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh; chị X đồng ý giải quyết vụ án ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng. Anh L và chị X có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn. Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[2]. Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Linh Văn L yêu cầu ly hôn với chị Lộc Thị X, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ biên bản lời khai anh L và chị X đều thừa nhận anh chị tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, sau đó thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn trầm trọng, thường xuyên xảy ra cãi vã, anh chị cũng đã sống ly thân liên tục từ giữa năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân thì mạnh ai nấy sống, không có sự quan tâm chăm sóc lo lắng cho nhau, dẫn đến tình cảm hiện nay không còn, hôn nhân không đạt được mục đích. Như vậy, anh L và chị X đã có sự vi phạm về nghĩa vụ của người vợ, người chồng đối với nhau; cụ thể: không còn sự thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chung sống với nhau. Đối chiếu với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy hôn nhân giữa anh L và chị X lâm vào tình trạng không trầm trọng, không thể hàn gắn, hôn nhân không đạt được mục đích, nay anh L yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn anh L là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh L và chị X có 02 người con chung, họ tên là Linh Thị Ngọc V, sinh ngày 03/4/2009 và Linh Thị Ngọc L1 sinh ngày 04/01/2014. Sau khi ly hôn anh L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cả hai cháu Linh Thị Ngọc V và Linh Thị Ngọc L1. Xét thấy, căn cứ bản tự khai của cháu V và cháu L1 đều có nguyện vọng ở với cha là anh L; lời khai của cháu V và L1 là tự nguyện. Tại bản tự khai phía bị đơn chị X cũng đồng ý giao cả hai cháu V và L1 cho anh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Vì vậy, cần giao các cháu: Linh Thị Ngọc V, sinh ngày 03/4/2009 và Linh Thị Ngọc L1 sinh ngày 04/01/2014 cho anh Linh Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Đương sự phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 28; Điều 35 Điều 147; Điều 131 Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Linh Văn L. Anh Linh Văn L được ly hôn với chị Lộc Thị X.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 02, ngày 06/01/2009 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước không còn hiệu lực khi Bản án hôn nhân gia đình về việc ly hôn của anh chị có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao các cháu: Linh Thị Ngọc V, sinh ngày 03/4/2009 và Linh Thị Ngọc L1 sinh ngày 04/01/2014 cho anh Linh Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn anh Linh Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000166 ngày 02/12/2021.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

### **Nơi Nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND h. Bù Đăng;
- CC THADS h. Bù Đăng;
- UBND xã (thị trấn);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**( Đã ký )**

- Dương sự;
- Lưu HS.

**Trần Thị Thu Hà**